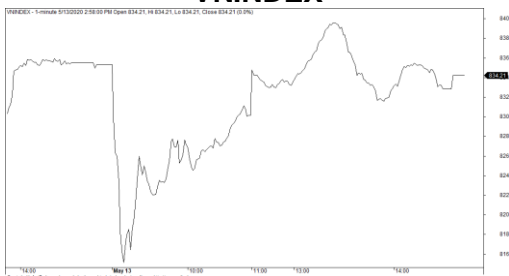


| Diễn biến thị trường trong phiên | | | |
|----------------------------------|---------|--------|--------|
| Rating | VNI | HNI | UPCOM |
| Điểm | 834.21 | 111.86 | 53.73 |
| % ngày | -0.13% | 0.07% | 0.19% |
| % tuần | 6.60% | 4.88% | 2.66% |
| % tháng | 8.93% | 4.39% | 5.64% |
| % năm | -12.97% | 5.92% | -2.75% |
| GTGD (Tỷ VND) | | | |
| Trong ngày | 6,751 | 673 | 284 |
| TB 1 tuần | 5,982 | 548 | 298 |
| TB 1 tháng | 4,757 | 492 | 250 |
| Khối ngoại (Tỷ VND) | | | |
| Mua | 796.62 | 1.02 | 17.11 |
| Bán | 721.42 | 18.44 | 36.11 |
| Giá trị ròng | 75.20 | -17.42 | -19.00 |
| Độ rộng TT | | | |
| Mã Tăng | 193 | 84 | 122 |
| Mã Giảm | 126 | 67 | 80 |
| Không Đổi | 74 | 221 | 701 |
| Chỉ số chính | | | |
| P/E | 13.62 | 9.68 | 15.15 |
| Vốn hóa TT (ngàn tỷ) | 2,916 | 208 | 816 |
| LS Cổ tức | 5.78% | 2.44% | 6.39% |

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên giằng co mạnh khi chịu áp lực từ lượng hàng khổng lồ phiên thứ 6 tuần trước cũng như diễn biến thị trường thế giới. Mặc dù vậy, tương tự phiên liền trước, lực cầu vẫn đủ mạnh giúp hầu hết các chỉ số đảo chiều tăng. Chỉ số VN-Index chốt phiên tại 834.21 điểm giảm nhẹ 0.13%. Chỉ số HNX-Index tăng 0.08% neo tại 111.86 điểm; chỉ số Upcom-Index cũng tăng nhẹ. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường tiếp tục ở mức cao đạt gần 6,500 tỷ đồng.

Dòng tiền có sự phân hóa tại nhóm bluechips khi một số cổ phiếu điều chỉnh dưới áp lực chốt lời ngắn hạn. Nhóm cổ phiếu họ Vingroup ((VRE(-3%), VHM(-2.9%), VIC(-2.1%)) gây giảm chỉ số nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, nhóm Ngân hàng vẫn duy trì xung lực tăng mạnh như TPB(+7%), HDB(+4.4%), BID(+2.7%), MBB(+1.7%). FPT là điểm sáng khi tăng 6.3% trong ngày chốt danh sách nhận cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%.

Trong khi đó, dòng tiền tham gia khá tích cực tại nhiều mã Mid-Cap và Small-Cap. HSG(+7%) NKG(+6.1%), HBC(+6.9%), DXG(+5.3%), TTF(+6.8%), DLG(+6.8%), ITA(+3%)...là những điểm sáng trong phiên giao dịch hôm nay với thanh khoản cao.

Khối ngoại tiếp tục chuỗi phiên mua ròng với giá trị 38 tỷ đồng toàn thị trường. VNM(102.1 tỷ), VCB(80.6 tỷ), VPB(40.3 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách mua ròng. Ở chiều ngược lại, VIC(123.2 tỷ), VRE(37.6 tỷ) bán ròng nhiều nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể quay trở lại đà tăng và chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục hướng về vùng mục tiêu 898 – 939 điểm. Đồng thời, dòng tiền vẫn chưa có dấu hiệu rút ra mà dịch chuyển giữa các nhóm cổ phiếu, đặc biệt dòng tiền chủ yếu tập trung ở nhóm Midcaps và Smallcaps. Ngoài ra, chúng tôi vẫn đánh giá rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn tỏ ra lạc quan với xu hướng hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG trên hai chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 794.43 của chỉ số VN-Index và 106.87 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ và tận dụng nhịp điều chỉnh để mua mới hoặc gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 81% cổ phiếu/19% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

| Chỉ số | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Mức kháng cự 1 | Mức kháng cự 2 | Mức hỗ trợ 1 | Mức hỗ trợ 2 |
|--------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|--------------|--------------|
| Chỉ số VN-Index | TĂNG | TĂNG | 997 | 1,000 | 988 | 953 |
| Chỉ số HNX-Index | TĂNG | TĂNG | 106 | 108 | 99 | 90 |
| Chỉ số VN30 | TĂNG | TĂNG | 895 | 935 | 877 | 863 |
| Chỉ số VNMidcaps | TĂNG | TĂNG | 992 | 1,030 | 969 | 963 |
| Chỉ số VNSmallcaps | TĂNG | TĂNG | 835 | 845 | 822 | 804 |



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

| CP | Giá | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Giá mua ngắn hạn | Mức cắt lỗ ngắn hạn | %LN ngắn hạn tạm tính | Tín hiệu ngắn hạn | Giá mua trung hạn | Mức cắt lỗ trung hạn | %LN trung hạn tạm tính | Tín hiệu trung hạn |
|-----|-------|-------------------|--------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| AAA | 12.55 | GIẢM | TĂNG | | 12.92 | | | 12.80 | 10.42 | -1.95% | |
| ACB | 21.70 | TĂNG | GIẢM | 20.60 | 20.21 | 5.34% | | | 22.19 | | |
| ACV | 59.10 | TĂNG | TĂNG | 49.50 | 54.87 | 19.39% | | 59.30 | 46.68 | -0.34% | |
| ANV | 18.60 | TĂNG | TĂNG | 14.85 | 16.36 | 25.25% | | 16.80 | 13.42 | 10.71% | |
| ASM | 5.38 | TĂNG | TĂNG | 4.15 | 4.80 | 29.64% | | 4.76 | 3.53 | 13.03% | |
| BFC | 11.95 | TĂNG | TĂNG | 11.95 | 11.48 | 0.00% | | 12.25 | 10.21 | -2.45% | |
| BID | 39.60 | TĂNG | GIẢM | 36.70 | 35.64 | 7.90% | | | 40.35 | | |
| BMP | 47.50 | TĂNG | TĂNG | 37.95 | 43.32 | 25.16% | | 45.00 | 37.89 | 5.56% | |
| BSR | 6.40 | TĂNG | GIẢM | 6.10 | 5.64 | 4.92% | | | 6.90 | | |
| BVH | 50.50 | TĂNG | TĂNG | 39.50 | 44.91 | 27.85% | | 48.45 | 36.43 | 4.23% | |
| BWE | 21.50 | TĂNG | TĂNG | 18.00 | 19.90 | 19.44% | | 20.45 | 17.79 | 5.13% | |
| CEO | 7.70 | TĂNG | TĂNG | 6.80 | 6.53 | 13.24% | | | 7.29 | | |
| CII | 21.00 | TĂNG | GIẢM | 21.00 | 20.36 | 0.00% | MUA | | 21.58 | | |
| CMG | 29.40 | TĂNG | TĂNG | 25.50 | 27.50 | 15.29% | | 29.50 | 23.08 | -0.34% | |
| CMX | 17.25 | TĂNG | TĂNG | 11.70 | 14.28 | 47.44% | | 13.50 | 9.47 | 27.78% | |
| CSM | 16.40 | TĂNG | TĂNG | 14.80 | 15.76 | 10.81% | | 12.25 | 13.79 | 33.88% | |
| CTD | 70.60 | TĂNG | TĂNG | 54.20 | 61.11 | 30.26% | | 61.70 | 48.32 | 14.42% | |
| CTG | 21.65 | TĂNG | GIẢM | 20.10 | 19.70 | 7.71% | | | 21.98 | | |
| CTR | 42.30 | TĂNG | TĂNG | 34.50 | 39.00 | 22.61% | | 42.00 | 39.76 | 0.71% | MUA |
| CVT | 17.25 | TĂNG | TĂNG | 17.55 | 16.24 | -1.71% | | 17.80 | 14.70 | -3.09% | |
| DCM | 8.77 | TĂNG | TĂNG | 5.86 | 7.85 | 49.66% | | 6.40 | 6.89 | 37.03% | |
| DGC | 30.40 | TĂNG | TĂNG | 22.50 | 27.25 | 35.11% | | 24.40 | 22.64 | 24.59% | |
| DGW | 27.55 | TĂNG | TĂNG | 20.40 | 24.63 | 35.05% | | 23.70 | 18.88 | 16.24% | |
| DHA | 33.60 | TĂNG | TĂNG | 31.55 | 31.62 | 6.50% | | 33.00 | 26.81 | 1.82% | |
| DHC | 37.80 | TĂNG | TĂNG | 34.00 | 35.52 | 11.18% | | 38.00 | 31.36 | -0.53% | |
| DHG | 92.60 | TĂNG | GIẢM | 82.50 | 89.25 | 12.24% | | 96.00 | 93.96 | -2.12% | MUA |
| DIG | 12.00 | TĂNG | GIẢM | 11.55 | 11.17 | 3.90% | | | 12.63 | | |
| DPG | 25.60 | TĂNG | GIẢM | 26.50 | 23.95 | -3.40% | | | 29.59 | | |
| DPM | 14.50 | GIẢM | TĂNG | | 14.93 | | | 13.70 | 12.16 | 5.84% | |
| DPR | 37.35 | TĂNG | GIẢM | 36.15 | 36.13 | 3.32% | | | 39.12 | | |
| DQC | 16.70 | TĂNG | TĂNG | 16.75 | 15.98 | -0.30% | | 16.00 | 15.06 | 4.38% | |
| DRC | 19.70 | TĂNG | TĂNG | 16.70 | 18.32 | 17.96% | | 18.85 | 15.24 | 4.51% | |
| DXG | 10.95 | TĂNG | TĂNG | 8.89 | 9.33 | 23.17% | | | 10.75 | | |
| EIB | 15.25 | GIẢM | GIẢM | | 15.78 | | | | 17.10 | | |
| FCN | 9.35 | TĂNG | TĂNG | 7.58 | 8.61 | 23.35% | | 8.98 | 7.16 | 4.12% | |

We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|-----|-------|------|------|-------|-------|--------|-----|-------|-------|--------|-----|
| FMC | 26.75 | TĂNG | TĂNG | 18.70 | 24.05 | 43.05% | | 19.95 | 18.90 | 34.09% | |
| FPT | 49.35 | TĂNG | TĂNG | 44.60 | 43.96 | 10.65% | | 51.20 | 43.88 | -3.61% | |
| GAS | 72.40 | TĂNG | TĂNG | 63.00 | 67.49 | 14.92% | | | 70.18 | | |
| GEX | 15.35 | GIẢM | TĂNG | | 16.02 | | | 16.65 | 13.00 | -7.81% | |
| GIL | 19.95 | TĂNG | TĂNG | 17.20 | 16.83 | 15.99% | | | 19.02 | | |
| GMD | 19.50 | TĂNG | TĂNG | 16.50 | 17.84 | 18.18% | | 18.35 | 15.02 | 6.27% | |
| GTN | 17.20 | TĂNG | TĂNG | 15.00 | 15.69 | 14.67% | | | 17.14 | | |
| GVR | 12.60 | TĂNG | TĂNG | 10.10 | 11.08 | 24.75% | | 11.15 | 7.98 | 13.00% | |
| HAG | 3.86 | TĂNG | TĂNG | 2.81 | 3.53 | 37.37% | | 3.38 | 2.95 | 14.20% | |
| HAX | 11.30 | TĂNG | TĂNG | 11.30 | 10.75 | 0.00% | | 11.20 | 11.06 | 0.89% | MUA |
| HBC | 8.62 | TĂNG | TĂNG | 7.31 | 7.43 | 17.92% | | | 8.49 | | |
| HCM | 18.00 | TĂNG | TĂNG | 13.55 | 16.41 | 32.84% | | 15.45 | 13.12 | 16.50% | |
| HDB | 23.70 | TĂNG | TĂNG | 20.50 | 21.02 | 15.61% | | | 22.50 | | |
| HDC | 17.80 | TĂNG | GIẢM | 17.65 | 16.36 | 0.85% | | | 18.98 | | |
| HDG | 25.50 | TĂNG | TĂNG | 25.50 | 25.40 | 0.00% | MUA | 25.65 | 18.47 | -0.58% | |
| HNG | 14.00 | TĂNG | TĂNG | 12.80 | 13.17 | 9.38% | | | 13.55 | | |
| HPG | 24.10 | TĂNG | TĂNG | 18.85 | 22.07 | 27.85% | | 20.70 | 18.30 | 16.43% | |
| HSG | 9.03 | TĂNG | TĂNG | 5.56 | 7.32 | 62.41% | | 6.78 | 5.93 | 33.19% | |
| HT1 | 14.10 | TĂNG | TĂNG | 11.95 | 12.81 | 17.99% | | 12.90 | 10.91 | 9.30% | |
| HUT | 1.90 | TĂNG | GIẢM | 1.60 | 1.49 | 18.75% | | | 1.94 | | |
| HVN | 27.95 | TĂNG | TĂNG | 20.65 | 25.12 | 35.35% | | 25.85 | 22.45 | 8.12% | |
| KBC | 13.10 | TĂNG | TĂNG | 11.75 | 12.17 | 11.49% | | | 12.90 | | |
| KDH | 23.00 | TĂNG | TĂNG | 20.00 | 21.01 | 15.00% | | 21.35 | 20.98 | 7.73% | MUA |
| KSB | 20.70 | TĂNG | TĂNG | 14.00 | 18.78 | 47.86% | | 18.35 | 14.20 | 12.81% | |
| LCG | 5.81 | TĂNG | TĂNG | 4.51 | 5.19 | 28.82% | | 5.45 | 4.45 | 6.61% | |
| LDG | 5.60 | TĂNG | GIẢM | 5.44 | 4.76 | 2.94% | | | 5.81 | | |
| LHG | 17.00 | TĂNG | TĂNG | 12.60 | 15.96 | 34.92% | | 14.95 | 14.20 | 13.71% | |
| LPB | 7.70 | TĂNG | TĂNG | 7.10 | 6.91 | 8.45% | | | 7.48 | | |
| MBB | 17.50 | TĂNG | TĂNG | 15.75 | 15.87 | 11.11% | | 17.00 | 13.37 | 2.94% | |
| MPC | 26.80 | TĂNG | TĂNG | 20.80 | 24.61 | 28.85% | | 24.10 | 18.40 | 11.20% | |
| MSN | 61.90 | TĂNG | TĂNG | 61.00 | 58.33 | 1.48% | | 60.20 | 49.69 | 2.82% | |
| MSR | 14.90 | TĂNG | GIẢM | 15.00 | 14.59 | -0.67% | | | 16.05 | | |
| MWG | 83.90 | TĂNG | TĂNG | 69.90 | 78.79 | 20.03% | | 82.00 | 64.96 | 2.32% | |
| NDN | 17.20 | TĂNG | TĂNG | 15.80 | 15.43 | 8.86% | | 16.20 | 13.40 | 6.17% | |
| NKG | 7.27 | TĂNG | TĂNG | 5.27 | 6.14 | 37.95% | | 6.47 | 4.98 | 12.36% | |
| NLG | 24.65 | TĂNG | TĂNG | 20.80 | 22.03 | 18.51% | | | 23.41 | | |
| NT2 | 21.35 | TĂNG | TĂNG | 18.10 | 19.34 | 17.96% | | 20.65 | 18.01 | 3.39% | |
| NTL | 18.10 | TĂNG | GIẢM | 17.50 | 16.34 | 3.43% | | | 19.42 | | |
| NVL | 52.50 | TĂNG | GIẢM | 53.00 | 50.38 | -0.94% | | | 55.62 | | |

We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|-----|--------|------|------|--------|--------|--------|-----|--------|--------|--------|-----|
| OIL | 8.30 | TĂNG | TĂNG | 7.40 | 7.23 | 12.16% | | 7.70 | 5.71 | 7.79% | |
| PAC | 23.50 | TĂNG | TĂNG | 18.85 | 21.24 | 24.67% | | 20.40 | 17.49 | 15.20% | |
| PC1 | 17.00 | TĂNG | TĂNG | 11.80 | 15.29 | 44.07% | | 13.95 | 11.67 | 21.86% | |
| PDR | 27.40 | TĂNG | TĂNG | 26.80 | 25.75 | 2.24% | | 26.80 | 23.83 | 2.24% | |
| PHR | 46.60 | TĂNG | TĂNG | 38.85 | 41.85 | 19.95% | | 44.30 | 35.48 | 5.19% | |
| PLX | 45.65 | TĂNG | TĂNG | 39.97 | 41.41 | 14.22% | | 43.80 | 43.61 | 4.22% | MUA |
| PNJ | 64.90 | TĂNG | TĂNG | 55.50 | 56.94 | 16.94% | | 59.70 | 47.57 | 8.71% | |
| POW | 10.30 | GIẢM | TĂNG | | 10.49 | | | 9.55 | 8.31 | 7.85% | |
| PVT | 11.00 | TĂNG | TĂNG | 10.65 | 9.61 | 3.29% | | 10.30 | 8.03 | 6.80% | |
| PPC | 25.25 | TĂNG | TĂNG | 23.60 | 24.15 | 6.99% | | 25.45 | 21.77 | -0.79% | |
| PTB | 47.80 | TĂNG | TĂNG | 39.35 | 43.95 | 21.47% | | 47.00 | 44.11 | 1.70% | MUA |
| PVB | 14.80 | GIẢM | TĂNG | | 14.91 | | | 11.50 | 11.27 | 28.70% | |
| PVD | 10.65 | TĂNG | TĂNG | 10.35 | 9.43 | 2.90% | | 9.80 | 7.20 | 8.67% | |
| PVI | 30.40 | GIẢM | TĂNG | | 31.30 | | | 30.70 | 27.71 | -0.98% | |
| PVS | 13.00 | TĂNG | TĂNG | 11.30 | 11.47 | 15.04% | | | 12.44 | | |
| PXS | 4.54 | TĂNG | TĂNG | 3.98 | 3.79 | 14.07% | | 3.70 | 2.54 | 22.70% | |
| QNS | 23.50 | TĂNG | GIẢM | 22.60 | 22.25 | 3.98% | | | 23.73 | | |
| REE | 32.00 | TĂNG | TĂNG | 30.20 | 29.44 | 5.96% | | | 31.90 | | |
| SAB | 172.00 | TĂNG | TĂNG | 172.00 | 156.64 | 0.00% | | 165.40 | 138.89 | 3.99% | |
| SAM | 9.12 | GIẢM | TĂNG | | 9.46 | | | 7.40 | 8.90 | 23.24% | |
| SCR | 4.63 | TĂNG | GIẢM | 4.30 | 4.23 | 7.67% | | | 4.82 | | |
| SHI | 9.00 | TĂNG | GIẢM | 8.70 | 8.09 | 3.45% | | | 9.06 | | |
| SJS | 19.15 | TĂNG | TĂNG | 17.10 | 17.71 | 11.99% | | 19.50 | 19.09 | -1.79% | MUA |
| SKG | 9.97 | TĂNG | TĂNG | 7.90 | 9.40 | 26.20% | | 9.19 | 8.11 | 8.49% | |
| SSI | 14.05 | TĂNG | TĂNG | 13.25 | 13.11 | 6.04% | | 13.30 | 10.66 | 5.64% | |
| STB | 9.96 | TĂNG | TĂNG | 8.93 | 9.02 | 11.53% | | 9.73 | 7.44 | 2.36% | |
| TCB | 20.60 | TĂNG | TĂNG | 16.95 | 18.84 | 21.53% | | 18.90 | 18.37 | 8.99% | MUA |
| TCM | 16.80 | TĂNG | TĂNG | 16.75 | 15.07 | 0.30% | | | 15.44 | | |
| TDH | 8.67 | TĂNG | TĂNG | 8.67 | 8.66 | 0.00% | MUA | 8.88 | 6.74 | -2.36% | |
| TLH | 3.23 | TĂNG | TĂNG | 2.88 | 2.76 | 12.15% | | | 3.12 | | |
| TNG | 13.60 | GIẢM | TĂNG | | 13.86 | | | 11.70 | 9.00 | 16.24% | |
| VCB | 75.60 | TĂNG | TĂNG | 65.00 | 70.63 | 16.31% | | | 73.63 | | |
| VCG | 25.30 | TĂNG | GIẢM | 25.50 | 25.09 | -0.78% | | | 26.09 | | |
| VCS | 67.50 | TĂNG | GIẢM | 66.50 | 60.29 | 1.50% | | | 68.26 | | |
| VGC | 16.70 | TĂNG | TĂNG | 14.90 | 16.25 | 12.08% | | 16.65 | 14.69 | 0.30% | |
| VGT | 8.60 | TĂNG | TĂNG | 8.80 | 7.59 | -2.27% | | 8.40 | 6.36 | 2.38% | |
| VHC | 32.60 | TĂNG | TĂNG | 25.10 | 29.99 | 29.88% | | 28.70 | 22.12 | 13.59% | |
| VHM | 71.40 | TĂNG | TĂNG | 66.00 | 67.41 | 8.18% | | 67.10 | 55.36 | 6.41% | |
| VIB | 15.30 | TĂNG | GIẢM | 14.70 | 14.28 | 4.08% | | | 15.52 | | |

We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|-----|--------|------|------|--------|--------|--------|--|--------|-------|--------|-----|
| VIC | 95.00 | TĂNG | TĂNG | 86.80 | 92.11 | 9.45% | | 95.00 | 81.54 | 0.00% | |
| VIP | 4.85 | TĂNG | TĂNG | 4.33 | 4.54 | 12.01% | | 4.77 | 4.57 | 1.68% | MUA |
| VJC | 114.90 | TĂNG | TĂNG | 109.10 | 112.20 | 5.32% | | 117.40 | 99.64 | -2.13% | |
| VND | 12.05 | TĂNG | GIẢM | 11.80 | 11.22 | 2.12% | | | 12.80 | | |
| VNG | 13.90 | TĂNG | GIẢM | 13.40 | 13.03 | 3.73% | | | 14.72 | | |
| VNM | 113.70 | TĂNG | TĂNG | 105.00 | 104.36 | 8.29% | | 102.80 | 90.58 | 10.60% | |
| VPB | 23.90 | TĂNG | TĂNG | 22.80 | 21.77 | 4.82% | | 22.80 | 22.03 | 4.82% | MUA |
| VPI | 41.90 | TĂNG | TĂNG | 42.00 | 41.30 | -0.24% | | 41.30 | 40.58 | 1.45% | |
| VRC | 6.50 | GIẢM | GIẢM | | 6.60 | | | | 7.77 | | |
| VRE | 24.50 | GIẢM | TĂNG | | 25.53 | | | 23.80 | 19.95 | 2.94% | |
| VSC | 28.00 | TĂNG | TĂNG | 24.50 | 26.00 | 14.29% | | 23.90 | 20.84 | 17.15% | |

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

| CP | Giá | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Giá mua ngắn hạn | Mức cắt lỗ ngắn hạn | %LN ngắn hạn tạm tính | Tín hiệu ngắn hạn | Giá mua trung hạn | Mức cắt lỗ trung hạn | %LN trung hạn tạm tính | Tín hiệu trung hạn |
|-----|-------|-------------------|--------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| ACB | 21.70 | TĂNG | GIẢM | 20.60 | 20.21 | 5.34% | | | 22.19 | | |
| BID | 39.60 | TĂNG | GIẢM | 36.70 | 35.64 | 7.90% | | | 40.35 | | |
| BSR | 6.40 | TĂNG | GIẢM | 6.10 | 5.64 | 4.92% | | | 6.90 | | |
| BVH | 50.50 | TĂNG | TĂNG | 39.50 | 44.91 | 27.85% | | 48.45 | 36.43 | 4.23% | |
| CTG | 21.65 | TĂNG | GIẢM | 20.10 | 19.70 | 7.71% | | | 21.98 | | |
| FPT | 49.35 | TĂNG | TĂNG | 44.60 | 43.96 | 10.65% | | 51.20 | 43.88 | -3.61% | |
| GAS | 72.40 | TĂNG | TĂNG | 63.00 | 67.49 | 14.92% | | | 70.18 | | |
| GEX | 15.35 | GIẢM | TĂNG | | 16.02 | | | 16.65 | 13.00 | -7.81% | |
| GVR | 12.60 | TĂNG | TĂNG | 10.10 | 11.08 | 24.75% | | 11.15 | 7.98 | 13.00% | |
| HDB | 23.70 | TĂNG | TĂNG | 20.50 | 21.02 | 15.61% | | | 22.50 | | |
| HNG | 14.00 | TĂNG | TĂNG | 12.80 | 13.17 | 9.38% | | | 13.55 | | |
| HPG | 24.10 | TĂNG | TĂNG | 18.85 | 22.07 | 27.85% | | 20.70 | 18.30 | 16.43% | |
| HVN | 27.95 | TĂNG | TĂNG | 20.65 | 25.12 | 35.35% | | 25.85 | 22.45 | 8.12% | |
| KDH | 23.00 | TĂNG | TĂNG | 20.00 | 21.01 | 15.00% | | 21.35 | 20.98 | 7.73% | MUA |
| MBB | 17.50 | TĂNG | TĂNG | 15.75 | 15.87 | 11.11% | | 17.00 | 13.37 | 2.94% | |
| MSN | 61.90 | TĂNG | TĂNG | 61.00 | 58.33 | 1.48% | | 60.20 | 49.69 | 2.82% | |
| MWG | 83.90 | TĂNG | TĂNG | 69.90 | 78.79 | 20.03% | | 82.00 | 64.96 | 2.32% | |
| NVL | 52.50 | TĂNG | GIẢM | 53.00 | 50.38 | -0.94% | | | 55.62 | | |
| OIL | 8.30 | TĂNG | TĂNG | 7.40 | 7.23 | 12.16% | | 7.70 | 5.71 | 7.79% | |
| PLX | 45.65 | TĂNG | TĂNG | 39.97 | 41.41 | 14.22% | | 43.80 | 43.61 | 4.22% | MUA |
| PNJ | 64.90 | TĂNG | TĂNG | 55.50 | 56.94 | 16.94% | | 59.70 | 47.57 | 8.71% | |
| POW | 10.30 | GIẢM | TĂNG | | 10.49 | | | 9.55 | 8.31 | 7.85% | |

We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|-----|--------|------|------|--------|--------|--------|--|--------|-------|--------|-----|
| QNS | 23.50 | TĂNG | GIẢM | 22.60 | 22.25 | 3.98% | | | 23.73 | | |
| REE | 32.00 | TĂNG | TĂNG | 30.20 | 29.44 | 5.96% | | | 31.90 | | |
| ROS | 3.37 | GIẢM | GIẢM | | 3.87 | | | | 6.52 | | |
| SBT | 14.95 | TĂNG | GIẢM | 14.00 | 13.61 | 6.79% | | | 15.86 | | |
| SSI | 14.05 | TĂNG | TĂNG | 13.25 | 13.11 | 6.04% | | 13.30 | 10.66 | 5.64% | |
| STB | 9.96 | TĂNG | TĂNG | 8.93 | 9.02 | 11.53% | | 9.73 | 7.44 | 2.36% | |
| TCB | 20.60 | TĂNG | TĂNG | 16.95 | 18.84 | 21.53% | | 18.90 | 18.37 | 8.99% | MUA |
| TPB | 21.45 | TĂNG | GIẢM | 18.75 | 18.01 | 14.40% | | | 23.94 | | |
| VCB | 75.60 | TĂNG | TĂNG | 65.00 | 70.63 | 16.31% | | | 73.63 | | |
| VCG | 25.30 | TĂNG | GIẢM | 25.50 | 25.09 | -0.78% | | | 26.09 | | |
| VCS | 67.50 | TĂNG | GIẢM | 66.50 | 60.29 | 1.50% | | | 68.26 | | |
| VEA | 39.00 | TĂNG | GIẢM | 31.50 | 36.09 | 23.81% | | | 59.45 | | |
| VGI | 27.70 | TĂNG | TĂNG | 22.60 | 25.40 | 22.57% | | 26.40 | 20.11 | 4.92% | |
| VHM | 71.40 | TĂNG | TĂNG | 66.00 | 67.41 | 8.18% | | 67.10 | 55.36 | 6.41% | |
| VIB | 15.30 | TĂNG | GIẢM | 14.70 | 14.28 | 4.08% | | | 15.52 | | |
| VIC | 95.00 | TĂNG | TĂNG | 86.80 | 92.11 | 9.45% | | 95.00 | 81.54 | 0.00% | |
| VJC | 114.90 | TĂNG | TĂNG | 109.10 | 112.20 | 5.32% | | 117.40 | 99.64 | -2.13% | |
| VNM | 113.70 | TĂNG | TĂNG | 105.00 | 104.36 | 8.29% | | 102.80 | 90.58 | 10.60% | |
| VPB | 23.90 | TĂNG | TĂNG | 22.80 | 21.77 | 4.82% | | 22.80 | 22.03 | 4.82% | MUA |
| VRE | 24.50 | GIẢM | TĂNG | | 25.53 | | | 23.80 | 19.95 | 2.94% | |

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

| CP | Giá | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Giá mua ngắn hạn | Mức cắt lỗ ngắn hạn | %LN ngắn hạn tạm tính | Tín hiệu ngắn hạn | Giá mua trung hạn | Mức cắt lỗ trung hạn | %LN trung hạn tạm tính | Tín hiệu trung hạn |
|-----|-------|-------------------|--------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| AAA | 12.55 | GIẢM | TĂNG | | 12.92 | | | 12.80 | 10.42 | -1.95% | |
| ANV | 18.60 | TĂNG | TĂNG | 14.85 | 16.36 | 25.25% | | 16.80 | 13.42 | 10.71% | |
| ASM | 5.38 | TĂNG | TĂNG | 4.15 | 4.80 | 29.64% | | 4.76 | 3.53 | 13.03% | |
| BMI | 23.40 | TĂNG | TĂNG | 16.95 | 20.66 | 38.05% | | 21.00 | 17.26 | 11.43% | |
| BMP | 47.50 | TĂNG | TĂNG | 37.95 | 43.32 | 25.16% | | 45.00 | 37.89 | 5.56% | |
| BWE | 21.50 | TĂNG | TĂNG | 18.00 | 19.90 | 19.44% | | 20.45 | 17.79 | 5.13% | |
| CEO | 7.70 | TĂNG | TĂNG | 6.80 | 6.53 | 13.24% | | | 7.29 | | |
| CII | 21.00 | TĂNG | GIẢM | 21.00 | 20.36 | 0.00% | MUA | | 21.58 | | |
| CRE | 15.70 | GIẢM | GIẢM | | 16.20 | | | | 17.38 | | |
| CTI | 20.00 | TĂNG | GIẢM | 20.30 | 17.84 | -1.48% | | | 22.26 | | |
| CTR | 42.30 | TĂNG | TĂNG | 34.50 | 39.00 | 22.61% | | 42.00 | 39.76 | 0.71% | MUA |
| D2D | 58.50 | TĂNG | TĂNG | 57.00 | 52.75 | 2.63% | | | 57.71 | | |
| DBD | 51.10 | TĂNG | TĂNG | 48.80 | 49.77 | 4.71% | | 51.40 | 45.68 | -0.58% | |

We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|---------|-------|------|------|-------|-------|--------|-----|-------|-------|--------|-----|
| DCM | 8.77 | TĂNG | TĂNG | 5.86 | 7.85 | 49.66% | | 6.40 | 6.89 | 37.03% | |
| DGW | 27.55 | TĂNG | TĂNG | 20.40 | 24.63 | 35.05% | | 23.70 | 18.88 | 16.24% | |
| DHC | 37.80 | TĂNG | TĂNG | 34.00 | 35.52 | 11.18% | | 38.00 | 31.36 | -0.53% | |
| DIG | 12.00 | TĂNG | GIẢM | 11.55 | 11.17 | 3.90% | | | 12.63 | | |
| DPG | 25.60 | TĂNG | GIẢM | 26.50 | 23.95 | -3.40% | | | 29.59 | | |
| DPM | 14.50 | GIẢM | TĂNG | | 14.93 | | | 13.70 | 12.16 | 5.84% | |
| DRC | 19.70 | TĂNG | TĂNG | 16.70 | 18.32 | 17.96% | | 18.85 | 15.24 | 4.51% | |
| DXG | 10.95 | TĂNG | TĂNG | 8.89 | 9.33 | 23.17% | | | 10.75 | | |
| E1VFN30 | 13.04 | TĂNG | TĂNG | 11.22 | 12.30 | 16.22% | | 12.25 | 10.43 | 6.45% | |
| FCN | 9.35 | TĂNG | TĂNG | 7.58 | 8.61 | 23.35% | | 8.98 | 7.16 | 4.12% | |
| FLC | 2.87 | TĂNG | GIẢM | 3.02 | 2.75 | -4.97% | | | 3.57 | | |
| GEG | 21.40 | TĂNG | GIẢM | 20.80 | 19.57 | 2.88% | | | 22.70 | | |
| GMD | 19.50 | TĂNG | TĂNG | 16.50 | 17.84 | 18.18% | | 18.35 | 15.02 | 6.27% | |
| GTN | 17.20 | TĂNG | TĂNG | 15.00 | 15.69 | 14.67% | | | 17.14 | | |
| HAG | 3.86 | TĂNG | TĂNG | 2.81 | 3.53 | 37.37% | | 3.38 | 2.95 | 14.20% | |
| HBC | 8.62 | TĂNG | TĂNG | 7.31 | 7.43 | 17.92% | | | 8.49 | | |
| HCM | 18.00 | TĂNG | TĂNG | 13.55 | 16.41 | 32.84% | | 15.45 | 13.12 | 16.50% | |
| HDC | 17.80 | TĂNG | GIẢM | 17.65 | 16.36 | 0.85% | | | 18.98 | | |
| HDG | 25.50 | TĂNG | TĂNG | 25.50 | 25.40 | 0.00% | MUA | 25.65 | 18.47 | -0.58% | |
| HPX | 26.95 | TĂNG | #N/A | 28.00 | 26.05 | -3.75% | | 35.30 | #N/A | #N/A | |
| HSG | 9.03 | TĂNG | TĂNG | 5.56 | 7.32 | 62.41% | | 6.78 | 5.93 | 33.19% | |
| HT1 | 14.10 | TĂNG | TĂNG | 11.95 | 12.81 | 17.99% | | 12.90 | 10.91 | 9.30% | |
| HTM | 11.60 | TĂNG | GIẢM | 12.80 | 10.83 | -9.38% | | | 15.81 | | |
| IBC | 21.00 | TĂNG | TĂNG | 21.00 | 20.79 | 0.00% | MUA | 21.75 | 20.11 | -3.45% | BÁN |
| IDI | 4.30 | TĂNG | TĂNG | 3.31 | 3.73 | 29.91% | | 3.88 | 2.90 | 10.82% | |
| IJC | 12.50 | TĂNG | TĂNG | 9.12 | 10.90 | 37.06% | | 11.30 | 8.68 | 10.62% | |
| ITA | 2.71 | TĂNG | TĂNG | 2.06 | 2.41 | 31.55% | | 2.42 | 1.95 | 11.98% | |
| KBC | 13.10 | TĂNG | TĂNG | 11.75 | 12.17 | 11.49% | | | 12.90 | | |
| KDC | 21.50 | TĂNG | TĂNG | 16.90 | 19.16 | 27.22% | | 20.30 | 17.43 | 5.91% | MUA |
| KOS | 29.10 | TĂNG | TĂNG | 28.80 | 27.16 | 1.04% | | 26.30 | 26.55 | 10.65% | |
| KSB | 20.70 | TĂNG | TĂNG | 14.00 | 18.78 | 47.86% | | 18.35 | 14.20 | 12.81% | |
| LDG | 5.60 | TĂNG | GIẢM | 5.44 | 4.76 | 2.94% | | | 5.81 | | |
| LPB | 7.70 | TĂNG | TĂNG | 7.10 | 6.91 | 8.45% | | | 7.48 | | |
| MBG | 8.30 | TĂNG | GIẢM | 7.40 | 7.74 | 12.16% | | | 14.73 | | |
| MBS | 9.70 | TĂNG | GIẢM | 9.90 | 9.07 | -2.02% | | | 10.76 | | |
| MPC | 26.80 | TĂNG | TĂNG | 20.80 | 24.61 | 28.85% | | 24.10 | 18.40 | 11.20% | |
| NBB | 19.50 | TĂNG | TĂNG | 20.05 | 17.99 | -2.74% | | 18.80 | 16.60 | 3.72% | |
| NKG | 7.27 | TĂNG | TĂNG | 5.27 | 6.14 | 37.95% | | 6.47 | 4.98 | 12.36% | |

We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|-----|-------|------|------|-------|-------|--------|-----|-------|-------|---------|-----|
| NLG | 24.65 | TĂNG | TĂNG | 20.80 | 22.03 | 18.51% | | | 23.41 | | |
| NT2 | 21.35 | TĂNG | TĂNG | 18.10 | 19.34 | 17.96% | | 20.65 | 18.01 | 3.39% | |
| NTL | 18.10 | TĂNG | GIẢM | 17.00 | 16.34 | 6.47% | | | 19.42 | | |
| NVB | 8.00 | GIẢM | GIẢM | | 8.28 | | | | 8.98 | | |
| OGC | 3.32 | TĂNG | TĂNG | 2.67 | 3.06 | 24.34% | | 2.98 | 2.34 | 11.41% | |
| PC1 | 17.00 | TĂNG | TĂNG | 11.80 | 15.29 | 44.07% | | 13.95 | 11.67 | 21.86% | |
| PDR | 27.40 | TĂNG | TĂNG | 26.80 | 25.75 | 2.24% | | 26.80 | 23.83 | 2.24% | |
| PHR | 46.60 | TĂNG | TĂNG | 38.85 | 41.85 | 19.95% | | 44.30 | 35.48 | 5.19% | |
| PPC | 25.25 | TĂNG | TĂNG | 23.60 | 24.15 | 6.99% | | 25.45 | 21.77 | -0.79% | |
| PTB | 47.80 | TĂNG | TĂNG | 39.35 | 43.95 | 21.47% | | 47.00 | 44.11 | 1.70% | MUA |
| PVD | 10.65 | TĂNG | TĂNG | 10.35 | 9.43 | 2.90% | | 9.80 | 7.20 | 8.67% | |
| PVI | 30.40 | GIẢM | TĂNG | | 31.30 | | | 30.70 | 27.71 | -0.98% | |
| PVS | 13.00 | TĂNG | TĂNG | 11.30 | 11.47 | 15.04% | | | 12.44 | | |
| PVT | 11.00 | TĂNG | TĂNG | 10.65 | 9.61 | 3.29% | | 10.30 | 8.03 | 6.80% | |
| QCG | 8.00 | TĂNG | TĂNG | 6.46 | 7.10 | 23.84% | | 7.65 | 7.51 | 4.58% | MUA |
| SCR | 4.63 | TĂNG | GIẢM | 4.30 | 4.23 | 7.67% | | | 4.82 | | |
| SGP | 6.10 | TĂNG | GIẢM | 5.90 | 5.79 | 3.39% | | | 6.54 | | |
| SHB | 17.30 | TĂNG | TĂNG | 17.00 | 15.73 | 1.76% | | 7.10 | 14.43 | 143.66% | |
| SHS | 9.20 | TĂNG | TĂNG | 9.20 | 8.86 | 0.00% | MUA | 8.20 | 7.12 | 12.20% | |
| SZC | 19.10 | TĂNG | TĂNG | 14.30 | 17.60 | 33.57% | | 16.60 | 14.14 | 15.06% | |
| TCH | 23.00 | TĂNG | GIẢM | 20.55 | 20.99 | 11.92% | | | 23.67 | | |
| TCM | 16.80 | TĂNG | TĂNG | 16.75 | 15.07 | 0.30% | | | 15.44 | | |
| TDH | 8.67 | TĂNG | TĂNG | 8.67 | 8.66 | 0.00% | MUA | 8.88 | 6.74 | -2.36% | |
| TNG | 13.60 | GIẢM | TĂNG | | 13.86 | | | 11.70 | 9.00 | 16.24% | |
| TTB | 3.45 | TĂNG | GIẢM | 2.69 | 3.10 | 28.25% | | | 3.86 | | |
| VGC | 16.70 | TĂNG | TĂNG | 14.90 | 16.25 | 12.08% | | 16.65 | 14.69 | 0.30% | |
| VGT | 8.60 | TĂNG | TĂNG | 8.80 | 7.59 | -2.27% | | 8.40 | 6.36 | 2.38% | |
| VHC | 32.60 | TĂNG | TĂNG | 25.10 | 29.99 | 29.88% | | 28.70 | 22.12 | 13.59% | |
| VND | 12.05 | TĂNG | GIẢM | 11.80 | 11.22 | 2.12% | | | 12.80 | | |
| VNG | 13.90 | TĂNG | GIẢM | 13.40 | 13.03 | 3.73% | | | 14.72 | | |
| VPI | 41.90 | TĂNG | TĂNG | 42.00 | 41.30 | -0.24% | | 41.30 | 40.58 | 1.45% | |

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

| CP | Giá | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Giá mua ngắn hạn | Mức cắt lỗ ngắn hạn | %LN ngắn hạn tạm tính | Tín hiệu ngắn hạn | Giá mua trung hạn | Mức cắt lỗ trung hạn | %LN trung hạn tạm tính | Tín hiệu trung hạn |
|-----------|-------|-------------------|--------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| AAV | 4.50 | GIẢM | GIẢM | | 5.12 | | | | 6.04 | | |
| AGR | 3.30 | TĂNG | TĂNG | 2.78 | 2.96 | 18.71% | | 3.01 | 2.94 | 9.63% | MUA |
| AMD | 3.22 | TĂNG | GIẢM | 3.28 | 2.94 | -1.83% | | | 4.02 | | |
| APG | 9.22 | TĂNG | GIẢM | 8.75 | 8.86 | 5.37% | | | 9.84 | | |
| ART | 2.80 | TĂNG | GIẢM | 2.50 | 2.22 | 12.00% | | | 3.02 | | |
| BCG | 5.65 | TĂNG | GIẢM | 5.60 | 5.23 | 0.89% | | | 5.72 | | |
| C4G | 7.00 | TĂNG | TĂNG | 4.50 | 6.09 | 55.56% | | 5.50 | 3.83 | 27.27% | |
| C69 | 7.00 | TĂNG | GIẢM | 7.00 | 6.59 | 0.00% | MUA | | 7.87 | | |
| CCL | 7.58 | TĂNG | TĂNG | 4.68 | 6.75 | 61.97% | | 6.01 | 4.55 | 26.12% | |
| CVT | 17.25 | TĂNG | TĂNG | 17.55 | 16.24 | -1.71% | | 17.80 | 14.70 | -3.09% | |
| DAH | 9.40 | TĂNG | GIẢM | 9.26 | 8.61 | 1.51% | | | 10.18 | | |
| DLG | 1.57 | GIẢM | GIẢM | | 1.58 | | | | 1.99 | | |
| DRH | 6.50 | TĂNG | TĂNG | 5.48 | 5.55 | 18.61% | | 5.08 | 3.41 | 27.95% | |
| DTD | 12.00 | TĂNG | GIẢM | 12.30 | 11.06 | -2.44% | | | 12.32 | | |
| EVG | 2.42 | TĂNG | GIẢM | 2.47 | 2.31 | -2.02% | | | 2.73 | | |
| FIT | 5.86 | GIẢM | GIẢM | | 6.57 | | | | 7.35 | | |
| FTM | 1.38 | GIẢM | GIẢM | | 1.52 | | | | 2.16 | | |
| FUES SV50 | 11.50 | TĂNG | TĂNG | 10.70 | 10.99 | 7.48% | | 10.40 | 9.72 | 10.58% | |
| GKM | 17.70 | TĂNG | TĂNG | 15.70 | 16.98 | 12.74% | | 14.90 | 16.10 | 18.79% | |
| HAH | 11.25 | TĂNG | TĂNG | 9.44 | 10.22 | 19.17% | | 10.40 | 9.06 | 8.17% | |
| HAI | 2.97 | GIẢM | GIẢM | | 3.12 | | | | 3.94 | | |
| HAR | 2.70 | GIẢM | GIẢM | | 2.86 | | | | 3.15 | | |
| HDA | 8.30 | TĂNG | TĂNG | 7.40 | 8.03 | 12.16% | | 8.50 | 6.82 | -2.35% | |
| HHP | 12.90 | GIẢM | TĂNG | 13.80 | 12.97 | -6.05% | BÁN | 13.20 | 11.95 | -2.27% | |
| HHS | 4.30 | TĂNG | TĂNG | 3.68 | 3.84 | 16.85% | | 4.17 | 3.10 | 3.12% | |
| HID | 2.45 | TĂNG | GIẢM | 2.34 | 2.25 | 4.70% | | | 2.53 | | |
| HII | 12.30 | GIẢM | TĂNG | | 13.01 | | | 11.00 | 11.88 | 11.82% | |
| HQC | 1.11 | GIẢM | GIẢM | | 1.13 | | | | 1.31 | | |
| HSL | 5.90 | GIẢM | TĂNG | | 6.04 | | | 5.35 | 4.43 | 10.28% | |
| HUT | 1.90 | TĂNG | GIẢM | 1.60 | 1.49 | 18.75% | | | 1.94 | | |
| HVG | 5.45 | GIẢM | GIẢM | | 5.74 | | | | 6.74 | | |
| HVH | 8.20 | TĂNG | GIẢM | 8.20 | 7.99 | 0.00% | MUA | | 9.52 | | |
| IDJ | 14.00 | GIẢM | GIẢM | | 16.35 | | | | 19.86 | | |
| JVC | 2.70 | GIẢM | GIẢM | | 2.81 | | | | 3.00 | | |

We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|-----|-------|------|------|-------|-------|--------|--|-------|-------|---------|--|
| KLF | 1.90 | GIẢM | TĂNG | | 2.17 | | | 2.40 | 1.44 | -20.83% | |
| LCG | 5.81 | TĂNG | TĂNG | 4.51 | 5.19 | 28.82% | | 5.45 | 4.45 | 6.61% | |
| LGL | 4.64 | GIẢM | GIẢM | | 5.06 | | | | 5.40 | | |
| LHG | 17.00 | TĂNG | TĂNG | 12.60 | 15.96 | 34.92% | | 14.95 | 14.20 | 13.71% | |
| LMH | 1.07 | GIẢM | GIẢM | | 1.21 | | | | 2.40 | | |
| MST | 2.50 | GIẢM | GIẢM | | 2.89 | | | | 4.03 | | |
| NDN | 17.20 | TĂNG | TĂNG | 15.80 | 15.43 | 8.86% | | 16.20 | 13.40 | 6.17% | |
| PHC | 9.81 | TĂNG | GIẢM | 10.50 | 9.42 | -6.57% | | | 10.81 | | |
| PLP | 8.38 | TĂNG | GIẢM | 6.94 | 7.66 | 20.75% | | | 8.53 | | |
| PVB | 14.80 | GIẢM | TĂNG | | 14.91 | | | 11.50 | 11.27 | 28.70% | |
| PVC | 5.40 | TĂNG | TĂNG | 4.90 | 4.83 | 10.20% | | | 5.27 | | |
| PVX | 0.90 | GIẢM | GIẢM | | 1.04 | | | | 1.06 | | |
| PXL | 8.90 | TĂNG | TĂNG | 8.10 | 8.26 | 9.88% | | 6.70 | 6.88 | 32.84% | |
| SHI | 9.00 | TĂNG | GIẢM | 8.70 | 8.09 | 3.45% | | | 9.06 | | |
| SJF | 2.03 | TĂNG | TĂNG | 1.44 | 1.80 | 40.97% | | 1.73 | 1.19 | 17.34% | |
| SPP | 0.40 | GIẢM | GIẢM | | 0.57 | | | | 0.95 | | |
| TDC | 8.00 | TĂNG | TĂNG | 7.06 | 7.31 | 13.31% | | 7.69 | 6.56 | 4.03% | |
| TIG | 6.50 | TĂNG | GIẢM | 5.30 | 5.21 | 22.64% | | | 6.68 | | |
| TLH | 3.23 | TĂNG | TĂNG | 2.88 | 2.76 | 12.15% | | | 3.12 | | |
| TNA | 15.95 | TĂNG | GIẢM | 16.30 | 14.15 | -2.15% | | | 18.23 | | |
| TNI | 10.50 | TĂNG | GIẢM | 10.60 | 10.08 | -0.94% | | | 10.85 | | |
| TSC | 2.35 | GIẢM | GIẢM | | 2.50 | | | | 2.78 | | |
| TTF | 2.21 | TĂNG | GIẢM | 2.15 | 1.93 | 2.79% | | | 2.44 | | |
| TTH | 1.80 | GIẢM | GIẢM | | 1.80 | | | | 2.11 | | |
| TVC | 28.60 | TĂNG | GIẢM | 27.20 | 27.44 | 5.15% | | | 29.11 | | |
| VC3 | 16.20 | GIẢM | TĂNG | | 17.29 | | | 16.90 | 15.28 | -4.14% | |
| VCR | 8.80 | TĂNG | TĂNG | 8.90 | 7.53 | -1.12% | | 12.90 | 7.61 | -31.78% | |
| VNA | 2.60 | TĂNG | GIẢM | 2.30 | 2.08 | 13.04% | | | 2.84 | | |
| VNE | 4.49 | TĂNG | TĂNG | 3.65 | 4.32 | 23.01% | | | 3.94 | | |
| VRC | 6.50 | GIẢM | GIẢM | | 6.60 | | | | 7.77 | | |

We Create Fortune

| Sàn GDCK TPHCM (HSX) | | | Sàn GDCK Hà Nội (HSX) | | | Sàn GDCK UPCoM (UPCoM) | | |
|----------------------|--------|--------|-----------------------|--------|-------|------------------------|-------|-------|
| | Điểm | Chg% | | Điểm | Chg% | | Điểm | Chg% |
| VNI | 834.21 | -0.13% | HNI | 111.86 | 0.07% | UPCoM | 53.73 | 0.19% |
| VN30 | 783.69 | 0.16% | HN30 | 216.68 | 0.90% | | | |
| VN Mid | 837.65 | 1.20% | VNX | 752.16 | 0.11% | | | |
| VN Small | 716.25 | 1.35% | AllSh | | | | | |

| GDKN | GTGD (tỷ VND) | | GDKN | GTGD (tỷ VND) | | GDKN | GTGD (tỷ VND) | |
|---------|---------------|--|---------|---------------|--|---------|---------------|--|
| Mua | 796.62 | | Mua | 1.02 | | Mua | 17.11 | |
| Bán | 721.42 | | Bán | 18.44 | | Bán | 36.11 | |
| GT rỗng | 75.2 | | GT rỗng | -17.42 | | GT rỗng | -19.00 | |

| Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% | Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% | Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|-------|-------------------|------------------------|-------|-------------------|------------------------|--------|
| HSG | 590 | 6.99% | CEO | 600 | 8.45% | VLC | 3097 | 14.82% |
| TPB | 1400 | 6.98% | SHS | 500 | 5.75% | SAS | 1655 | 5.93% |
| HBC | 560 | 6.95% | DGC | 1100 | 3.75% | HND | 581 | 3.19% |
| FRT | 1400 | 6.88% | LAS | 200 | 3.33% | ABI | 825 | 3.09% |
| HVG | 350 | 6.86% | TIG | 200 | 3.17% | VGTT | 183 | 2.15% |

| Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% | Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% | Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|--------|-------------------|------------------------|--------|-------------------|------------------------|--------|
| PDN | -2900 | -4.46% | PLC | -300 | -1.82% | MPC | -564 | -2.07% |
| DPG | -900 | -3.40% | TNG | -200 | -1.45% | MKP | -712 | -1.50% |
| VRE | -750 | -2.97% | BVS | -100 | -1.11% | LTG | -218 | -1.18% |
| CSM | -500 | -2.96% | TVC | -200 | -0.69% | LPB | -43 | -0.56% |
| VCI | -650 | -2.90% | DNP | -100 | -0.59% | VIB | -35 | -0.23% |

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

| GTVH cao nhất | Tỷ đồng | | GTVH cao nhất | Tỷ đồng | | GTVH cao nhất | Tỷ đồng | |
|---------------|---------|--|---------------|---------|--|---------------|---------|--|
| VIC | 328,096 | | ACB | 36,248 | | ACV | 127,352 | |
| VCB | 280,391 | | SHB | 30,367 | | VEA | 51,346 | |
| VHM | 241,779 | | VCG | 11,219 | | MCH | 47,460 | |
| VNM | 198,343 | | VCS | 10,321 | | BCM | 24,608 | |
| BID | 155,049 | | PVI | 6,795 | | BSR | 19,422 | |

| KLGD nhiều nhất | Giá trị | TB 30 ngày | KLGD nhiều nhất | Giá trị | TB 30 ngày | KLGD nhiều nhất | Giá trị | TB 30 ngày |
|-----------------|------------|------------|-----------------|------------|------------|-----------------|-----------|------------|
| STB | 20,122,960 | 9,526,913 | HUT | 12,791,116 | 4,564,722 | BSR | 5,364,068 | 4,681,909 |
| ITA | 12,362,290 | 8,914,831 | ACB | 7,223,900 | 3,011,543 | LPB | 4,240,561 | 3,060,910 |
| HSG | 12,123,850 | 8,674,423 | PVS | 6,906,774 | 5,235,154 | OIL | 1,132,423 | 1,432,251 |
| ROS | 11,709,930 | 11,812,903 | KLF | 4,884,244 | 7,737,574 | QNS | 730,336 | 256,207 |
| MBB | 11,035,970 | 6,840,133 | ART | 3,693,863 | 2,032,200 | C4G | 650,793 | 694,378 |

Nguồn: Bloomberg & YSVN

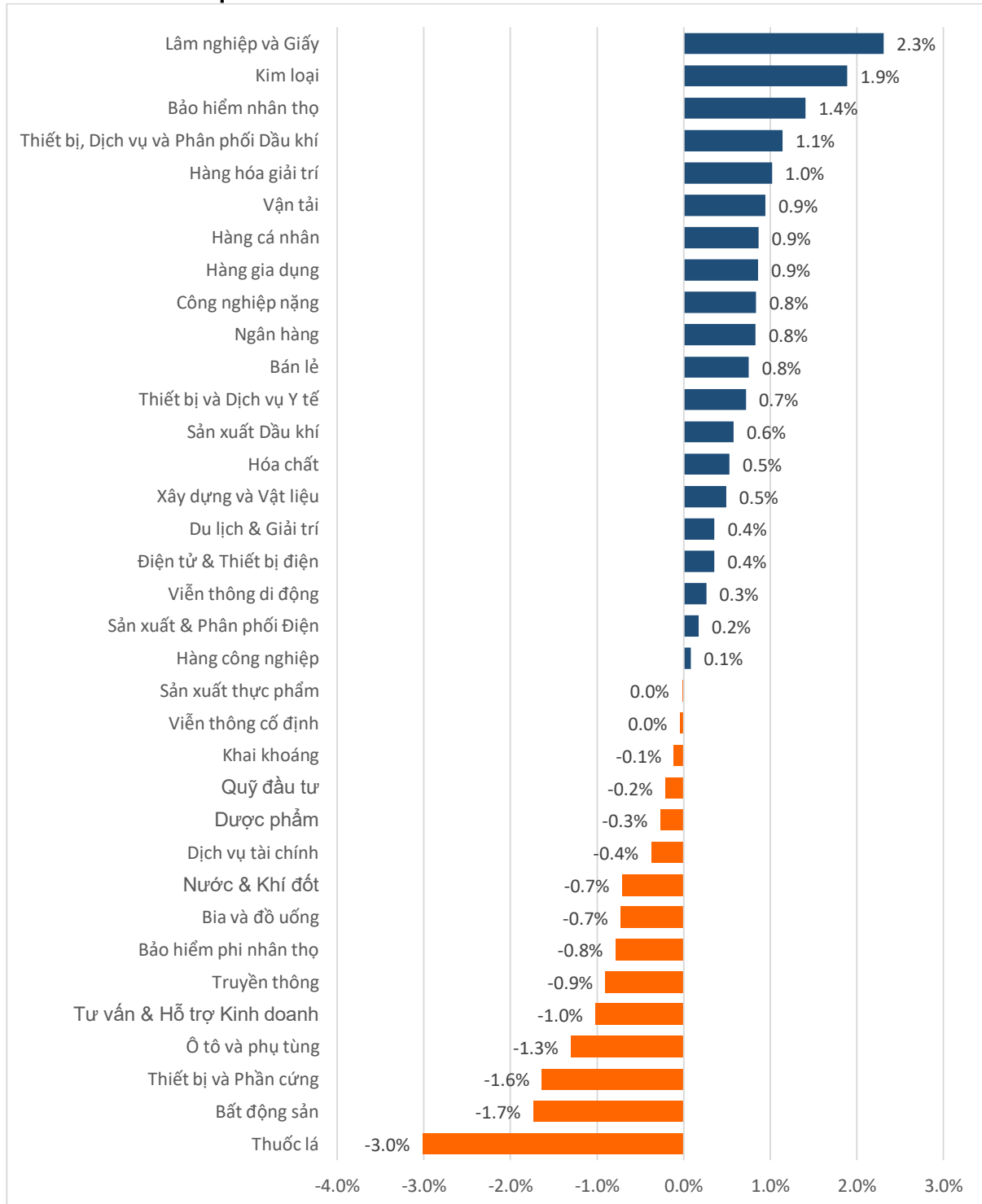
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



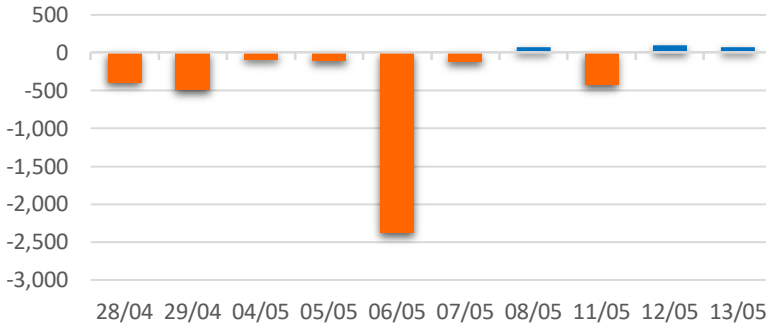
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

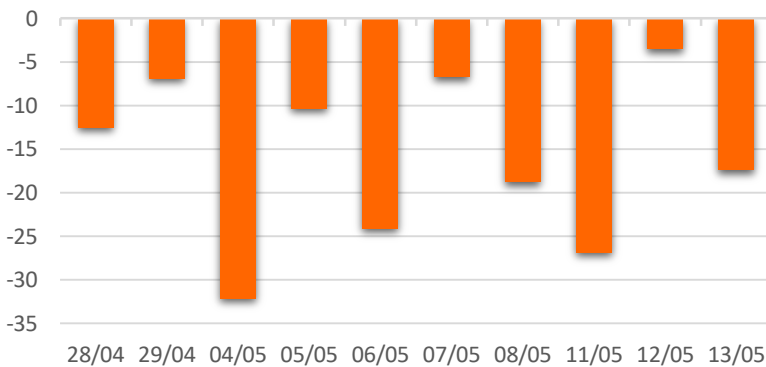
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



| Mã CK | Giá trị mua ròng (tr. VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (tr. VND) |
|-------|----------------------------|-------|----------------------------|
| VNM | 102,150 | VIC | 123,268 |
| VCB | 80,639 | VRE | 37,668 |
| VPB | 40,345 | FRT | 18,615 |
| HPG | 13,319 | POW | 13,007 |
| PLX | 12,560 | HSG | 11,303 |

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

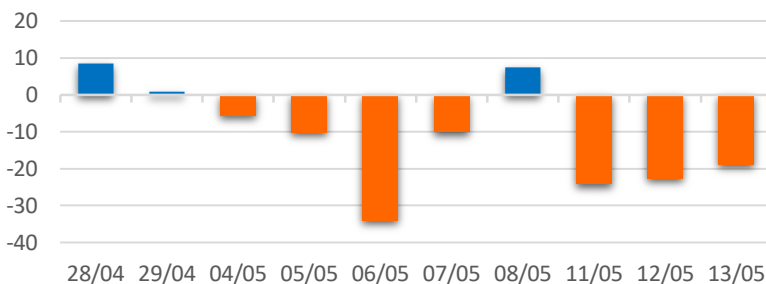
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



| Mã CK | Giá trị mua ròng (tr. VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (tr. VND) |
|-------|----------------------------|-------|----------------------------|
| SLS | 175 | HUT | 8,644 |
| PMC | 78 | SHS | 3,255 |
| TAR | 62 | PVS | 1,787 |
| SDT | 54 | NRC | 1,400 |
| IDC | 42 | VIT | 998 |

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



| Mã CK | Giá trị mua ròng (tr. VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (tr. VND) |
|-------|----------------------------|-------|----------------------------|
| VEA | 2,722 | ACV | 16,333 |
| ABI | 328 | BSR | 7,520 |
| TND | 322 | QNS | 2,249 |
| MCH | 269 | GND | 876 |
| BDG | 160 | RTS | 119 |

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



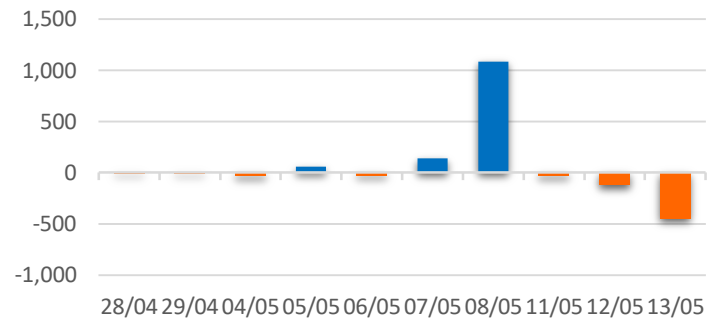
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

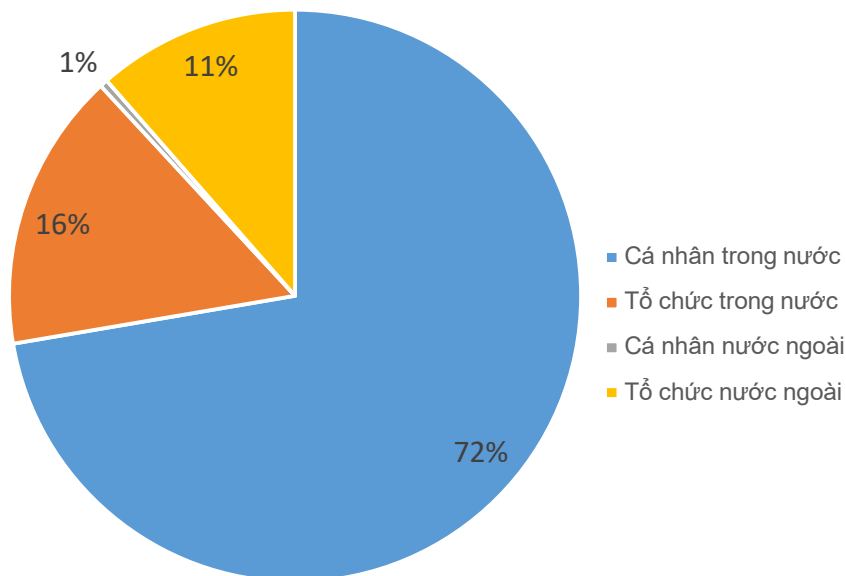
| Mã CK | Giá trị mua ròng (tr. VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (tr. VND) |
|------------|----------------------------|------------|----------------------------|
| PDN | 199,995 | VNM | 101,851 |
| MWG | 37,004 | VIC | 66,672 |
| FPT | 30,945 | VPB | 63,832 |
| PNJ | 17,572 | HPG | 61,813 |
| TCB | 16,642 | FPT | 60,259 |

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

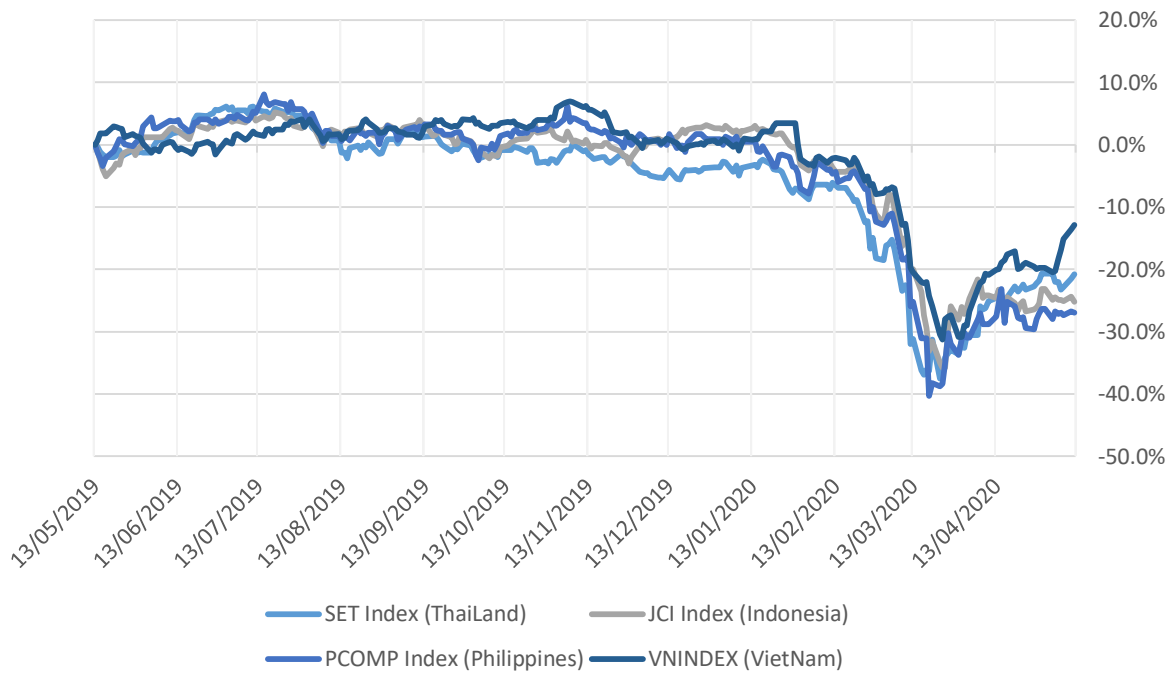


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

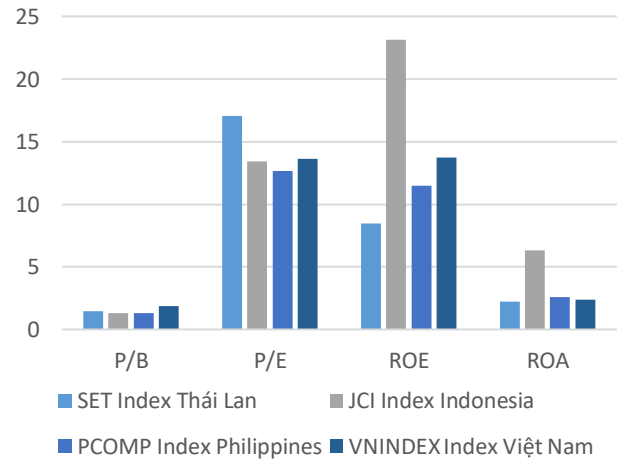
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

| | | Thái Lan | Indonesia | Philippines | Việt Nam |
|-----------|-----------|----------|-----------|-------------|----------|
| P/B | | 1.4x | 1.3x | 1.3x | 1.9x |
| P/E | | 17.0x | 13.4x | 12.7x | 13.6x |
| ROE | % | 8.48 | 23.17 | 11.51 | 13.73 |
| ROA | % | 2.22 | 6.31 | 2.58 | 2.39 |
| Vốn hóa | Tỷ USD | 435.13 | 358.24 | 141.36 | 124.93 |
| GTGD | Triệu USD | 1.64 | 0.39 | 0.09 | 0.22 |
| LS cổ tức | % | 3.81 | 3.59 | 2.13 | 2.20 |

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written